

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước như sau:

I- Những quy định chung

1. Ngân sách nhà nước là một hệ thống thống nhất, bao gồm: ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương (dưới đây gọi là ngân sách địa phương) theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

2. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được quy định theo Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

3. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước, trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các nguồn thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được ổn định trong thời gian từ

3 đến 5 năm (gọi chung là thời kỳ ổn định ngân sách). Chính phủ trình Quốc hội quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa các cấp ngân sách ở địa phương.

5. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách đã được giao thực hiện theo thẩm quyền và quy trình quy định tại các Điều 43 và Điều 44 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

6. Các tổ chức, cá nhân, kể cả các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng các khoản vốn, kinh phí do nhà nước cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả.

7. Cơ quan thu (bao gồm Thuế nhà nước, Hải quan, Tài chính và các cơ quan khác được Chính phủ cho phép hoặc được Bộ Tài chính uỷ quyền) phối hợp với Kho bạc Nhà nước tổ chức quản lý, tập trung nguồn thu ngân sách nhà nước, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm mọi khoản thu ngân sách phải được tập trung đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

8. Tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được uỷ quyền quyết định chi. Người ra quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn cho công quỹ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Mọi khoản thu, chi ngân sách nhà nước đều được hạch toán bằng đồng Việt Nam. Các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ, bằng hiện vật, bằng ngày công lao động được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán hoặc giá hiện vật, giá ngày công lao động do cơ quan có thẩm quyền quy định để hạch toán thu ngân sách nhà nước tại thời điểm phát sinh.

10. Các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ thu nộp ngân sách nhà nước, sử dụng ngân sách nhà nước phải tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán thu, chi ngân sách theo đúng niên độ ngân sách, cấp ngân sách, Mục lục ngân sách nhà nước, chế độ kế toán nhà nước và những quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, cũng như các quy định tại Thông tư này.

11. Đối với một số hoạt động đặc biệt thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh; cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; cơ chế quản lý vốn vay nợ, viện trợ; các khoản thu, chi của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; quản lý ngân sách cấp xã, Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan có văn bản hướng dẫn riêng.

II- Phân cấp quản lý ngân sách

1. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

1.1. Nguồn thu của ngân sách trung ương gồm:

1.1.1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%:

- a) Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá nhập khẩu;

d) Thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành. Thuế thu nhập của các đơn vị hạch toán toàn ngành là phần thu nhập nộp ngân sách từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện hạch toán tập trung của các đơn vị sau đây:

- Các hoạt động sản xuất, kinh doanh điện của Tổng công ty Điện lực Việt Nam, các Công ty điện lực I, II, III, Công ty điện lực thành phố Hà Nội, Công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh, công ty điện lực Hải Phòng, Công ty điện lực Đồng Nai;

- Các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội; Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng đồng bằng Sông Cửu long;

- Các hoạt động kinh doanh của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam;

- Các dịch vụ bưu chính viễn thông của Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam;

- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam;

- Hoạt động vận doanh của Tổng công ty đường sắt Việt Nam;

đ) Các khoản thuế và thu khác từ các hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí, kể cả thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài, tiền thuê mặt đất, mặt nước;

e) Tiền thu hồi vốn của ngân sách trung ương tại các cơ sở kinh tế, thu hồi tiền cho vay của ngân sách trung ương (cả gốc và lãi), thu từ Quỹ dự trữ tài chính của trung ương; thu nhập từ vốn góp của ngân sách trung ương;

g) Các khoản phí và lệ phí, phần nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc trung ương tổ chức thu, không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ;

h) Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do các cơ quan trung ương trực tiếp quản lý;

i) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

k) Các khoản thu hoàn vốn, thanh lý tài sản, các khoản thu khác của doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;

l) Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật;

m) Thu kết dư ngân sách trung ương;

n) Thu chuyển nguồn từ ngân sách trung ương năm trước sang ngân sách trung ương năm sau;

o) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;

p) Các khoản thu khác của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

a) Thuế giá trị gia tăng, không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu quy định tại mục a Điểm 1.1.1 phần II của Thông tư này và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành quy định tại Mục d Điểm 1.1.1 phần II của Thông tư này và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ dịch vụ, hàng hoá sản xuất trong nước, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Phí xăng, dầu.

1.2. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:

1.2.1. Chi đầu tư phát triển về:

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do trung ương quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Chi hỗ trợ tài chính, bổ sung vốn, hỗ trợ và thưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật;

d) Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhà nước do các cơ quan trung ương thực hiện;

đ) Chi hỗ trợ các tổ chức tài chính của Nhà nước do Trung ương quản lý;

e) Chi bổ sung dự trữ nhà nước;

g) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật;

1.2.2. Chi thường xuyên về:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý:

- Các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động sự nghiệp y tế khác;

- Các cơ sở thương binh, người có công với cách mạng, trại xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử đã được xếp hạng, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Các sự nghiệp khác;

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; công tác khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Điều tra cơ bản;

- Đo đạc địa giới hành chính;

- Đo vẽ bản đồ;

- Đo đạc biên giới, cắm mốc biên giới;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;

- Định canh, định cư và kinh tế mới;

- Các hoạt động sự nghiệp môi trường;

- Các sự nghiệp kinh tế khác;

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

d) Hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân;

đ) Hoạt động của cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam;

e) Hoạt động của các cơ quan trung ương của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Lao động Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

h) Phân chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án nhà nước do các cơ quan trung ương thực hiện;

i) Thực hiện chế độ đối với người về hưu, mất sức theo quy định của Bộ Luật lao động cho các đối tượng thuộc ngân sách trung ương bảo đảm; hỗ trợ Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;

k) Thực hiện các chính sách đối với thương binh, bệnh binh, liệt sỹ, thân nhân liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và các đối tượng chính sách xã hội khác;

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc Trung ương theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

1.2.3. Trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay;

1.2.4. Chi viện trợ cho các Chính phủ và tổ chức nước ngoài;

1.2.5. Chi cho vay theo quy định của pháp luật;

1.2.6. Bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của trung ương;

1.2.7. Bổ sung cho ngân sách địa phương;

1.2.8. Chi chuyển nguồn từ ngân sách trung ương năm trước sang ngân sách trung ương năm sau.

1.3. Nguồn thu của ngân sách địa phương gồm:

1.3.1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%:

a) Thuế nhà, đất;

b) Thuế tài nguyên; không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu, khí;

c) Thuế môn bài;

d) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;

đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

e) Tiền sử dụng đất;

f) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê mặt nước thu từ hoạt động dầu, khí;

g) Tiền đền bù thiệt hại đất;

h) Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

i) Lệ phí trước bạ;

k) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

l) Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế, thu thanh lý tài sản và các khoản thu khác của doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; thu từ quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh theo quy định tại Điều 58 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

m) Các khoản phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu, không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ;

n) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

o) Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do địa phương quản lý;

p) Huy động từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật;

q) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;

r) Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

s) Thu từ các khoản tiền phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật;

t) Thu kết dư ngân sách địa phương;

u) Các khoản thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

v) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

x) Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau.

y) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật;

1.3.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại Điểm 1.1.2 phần II của Thông tư này.

1.3.3. Việc phân cấp các nguồn thu quy định tại Điểm 1.3.1 và Điểm 1.3.2 phần II của Thông tư này cho ngân sách các cấp chính quyền ở địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định trong phạm vi được phân cấp và bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Nghị định số

60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, đồng thời phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu; hạn chế phân chia các nguồn thu có quy mô nhỏ cho nhiều cấp.

b) Ngân sách xã, thị trấn được hưởng tối thiểu 70% đối với các khoản thu sau:

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- Thuế nhà, đất;
- Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình;
- Lệ phí trước bạ nhà, đất;

c) Ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh được hưởng tối thiểu 50% khoản thu lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất.

1.3.4. Việc huy động vốn đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước được thực hiện như sau:

a) Khi có nhu cầu huy động vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; nội dung phương án phải nêu rõ:

- Kế hoạch đầu tư 5 năm thuộc nguồn ngân sách cấp tỉnh bảo đảm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Dự án đầu tư đề nghị huy động vốn thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch đầu tư 5 năm đã được Hội đồng nhân dân quyết định;

- Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền về dự án đầu tư đề nghị huy động vốn.

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Tổng số vốn đầu tư cần huy động và dự kiến nguồn bảo đảm trả nợ của ngân sách cấp tỉnh;

- Hình thức huy động vốn; khối lượng huy động; lãi suất huy động và phương án trả nợ khi đến hạn;

- Dự nợ vốn huy động tại thời điểm trình phương án và dự nợ sau khi phương án huy động được duyệt bảo đảm không vượt quá 30% vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, không kể vốn đầu tư bổ sung theo mục tiêu không có tính chất ổn định thường xuyên từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh;

- Cân đối ngân sách cấp tỉnh năm hiện hành và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo;

- Các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án huy động vốn.

b) Sau khi phương án huy động vốn được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát việc thực hiện và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Việc huy động vốn của địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ và huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

d) Nguồn vốn huy động được hạch toán thu ngân sách cấp tỉnh để chi cho mục tiêu đã định và phải bố trí trong cân đối của ngân sách cấp tỉnh để chủ động trả nợ khi đến hạn.

1.4. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương gồm:

1.4.1. Chi đầu tư phát triển về:

- a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do địa phương quản lý;

- b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

- c) Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;

- d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật;

1.4.2. Chi thường xuyên về:

- a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hóa thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do các cơ quan địa phương quản lý;

- Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;
 - Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;
 - Các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;
 - Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác;
 - Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
 - Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;
 - Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;
 - Các sự nghiệp khác do địa phương quản lý;
- b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do địa phương quản lý:
- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;
 - Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
 - Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;
 - Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác;
 - Điều tra cơ bản;
 - Các hoạt động sự nghiệp về môi trường;
 - Các sự nghiệp kinh tế khác;

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

d) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở địa phương;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

e) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

h) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện;

i) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

1.4.3. Chi trả gốc, lãi tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước;

1.4.4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh;

1.4.5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới;

1.4.6. Chi chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau;

1.4.7. Các nhiệm vụ chi quy định tại mục b Điểm 1.4.1 và các Điểm 1.4.3 và Điểm 1.4.4 phần II của Thông tư này, chỉ quy định cho ngân sách cấp tỉnh, không áp dụng cho ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã;

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp trong năm đầu của thời kỳ ổn định:

2.1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Điểm 1.1.2 phần II của Thông tư này do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

- Tỷ lệ này được áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia và được xác định riêng cho từng tỉnh.

- Việc xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phần ngân sách địa phương được hưởng thực hiện theo công thức sau:

Gọi:

+ Tổng số chi ngân sách địa phương (sau khi trừ đi các khoản sau: chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, chi đầu tư từ nguồn huy động theo Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước, chi từ nguồn đóng góp tự nguyện, chi từ nguồn viện trợ, chi từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước, chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau) là A.

+ Tổng số các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% (sau khi trừ đi các khoản thu sau: thu bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu kết dư, thu huy động theo Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước, thu từ đóng góp tự nguyện, thu viện trợ, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước) là B.

+ Tổng số các khoản thu được phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương là C.

Nếu $A - B < C$ thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ phần trăm (\%)} = \frac{A - B}{C} \times 100\%$$

Nếu $A - B \geq C$ thì tỷ lệ phần trăm (%) xác định bằng 100% và phần chênh lệch sẽ được ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương.

2.2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2.2.1. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

- Các khoản thu về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác ngân sách địa phương hưởng 100% theo quy định tại Điểm 1.3.1 phần II của Thông tư này;

- Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại Điểm 1.1.2 phần II của Thông tư này;

2.2.2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và ngân sách từng xã, phường, thị trấn.

3. Khi phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm:

3.1. Về phân cấp nguồn thu:

- Việc phân cấp các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thực hiện theo qui định tại Điều 6 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và Điểm 1.3.3 phần II của Thông tư này.

- Chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ, khuyến khích khai thác thu và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó.

- Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao; hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên.

- Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ.

- Bảo đảm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia quy định của cấp trên về từng khoản thu được phân chia.

3.2. Về phân cấp nhiệm vụ chi:

3.2.1. Phân cấp chi đầu tư xây dựng cơ bản:

- Việc phân cấp chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho cấp huyện, xã, thị trấn theo qui định tại Điều 6 và Điều 25 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, căn cứ trình độ, năng lực quản lý và khối lượng vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định phân cấp chi đầu tư xây dựng cơ bản cho cấp dưới. Đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải được phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp và các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị; trên cơ sở phân cấp, xác định nhiệm vụ chi xây dựng cơ bản cụ thể cho cấp dưới.

3.2.2. Phân cấp chi thường xuyên:

Việc phân cấp chi thường xuyên giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, đồng thời phải:

a) Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư của từng vùng và trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, bảo đảm tính hiệu quả;

b) Đối với ngân sách xã, thị trấn, nếu nguồn thu 100% và nguồn thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) lớn hơn nhiệm vụ chi thường xuyên thì cấp tỉnh phân cấp thêm nhiệm vụ chi đầu tư các công trình trụ sở, trạm y tế, nhà trẻ, mẫu giáo và các cơ sở hạ tầng khác do xã, thị trấn quản lý.

4. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới bao gồm:

4.1. Bổ sung cân đối thu, chi ngân sách nhằm bảo đảm cho chính quyền cấp dưới cân đối nguồn ngân sách để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh được giao.

Số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương đối với năm đầu thời kỳ ổn định được xác định như sau:

Mức bổ sung	=	Tổng số chi của ngân sách địa phương (theo nội dung A nêu tại Điểm 2.1 Phần II, Thông tư này)	-	Tổng số các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% (theo nội dung B nêu tại Điểm 2.1 Phần II, Thông tư này)	+	Tổng số các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách địa phương được hưởng đó mở rộng đến 100%)
-------------	---	---	---	---	---	--

Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương được xác định theo nguyên tắc xác định số chênh lệch giữa số chi và nguồn thu ngân sách các cấp dưới (thu 100% và phần được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương).

4.2. Bổ sung có mục tiêu:

4.2.1. Bổ sung có mục tiêu nhằm hỗ trợ ngân sách cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hỗ trợ thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;

b) Hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án quốc gia giao các cơ quan địa phương thực hiện, mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;

c) Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, công trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nằm trong quy hoạch và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng, ngân sách cấp dưới đã bố trí chi nhưng chưa đủ nguồn, mức hỗ trợ theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ một phần để xử lý khó khăn đột xuất: khắc phục thiên tai, hoả hoạn, tai nạn trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng, một phần quỹ dự trữ tài chính của địa phương nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.

đ) Hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ cần thiết, cấp bách khác, mức bổ sung theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4.2.2. Số bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hàng năm. Mức bổ sung cụ thể được căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp trên và yêu cầu về mục tiêu cụ thể của cấp dưới. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung theo mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định.

5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được ổn định từ 3 đến 5 năm nên đối với các năm trong kỳ ổn định, Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi được phân cấp, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung từ ngân sách cấp trên, chế độ thu, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các yêu cầu về phát triển kinh tế xã hội cụ thể của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp dự toán thu, chi ngân sách và chủ động quản lý, điều hành dự toán thu chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

III. Lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm

1. Công tác hướng dẫn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách nhà nước:

1.1. Căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về yêu cầu, nội dung, thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1.2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn, số kiểm tra về dự toán ngân sách của Bộ Tài chính và căn cứ yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của bộ, cơ quan, thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc.

1.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn, số kiểm tra về dự toán ngân sách của Bộ Tài chính, căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

1.4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, khi thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới bảo đảm số thu không thấp hơn số kiểm tra về thu, số chi phải phù hợp với số kiểm tra về tổng mức và cơ cấu.

1.5. Trước ngày 10 tháng 6 năm trước, Bộ Tài chính thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nội dung số kiểm tra gồm:

- Tổng mức và từng lĩnh vực thu, chi ngân sách đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương.
- Tổng số thu, chi và một số lĩnh vực chi quan trọng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Yêu cầu đối với lập dự toán ngân sách:

2.1. Dự toán ngân sách nhà nước và dự toán ngân sách các cấp chính quyền phải tổng hợp theo từng lĩnh vực thu, chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ.

2.2. Dự toán ngân sách của các cấp chính quyền, của đơn vị dự toán các cấp phải lập theo đúng yêu cầu, nội dung, biểu mẫu và thời hạn quy định tại Thông tư này và Thông tư hướng dẫn về yêu cầu nội dung và thời hạn lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính.

2.3. Dự toán ngân sách phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán.

2.4. Dự toán ngân sách các cấp phải bảo đảm cân đối theo nguyên tắc sau:

2.4.1. Đối với dự toán ngân sách nhà nước: tổng số thu thuế, phí và lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và các khoản chi trả nợ; bội chi phải nhỏ hơn chi đầu tư phát triển.

2.4.2. Đối với dự toán ngân sách cấp tỉnh: phải cân bằng giữa thu và chi trên cơ sở số thu của ngân sách cấp tỉnh gồm: các khoản thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100%, các khoản thu phân chia cho ngân sách cấp tỉnh theo tỷ lệ phần trăm (%) đã được quy định và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương (nếu có); số dự kiến huy động vốn trong nước để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách nhà nước và Điều 26 của Nghị định số 60/2003/NĐ- CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

2.4.3. Đối với dự toán ngân sách cấp huyện, và cấp xã phải cân bằng thu, chi.

3. Căn cứ lập dự toán ngân sách:

3.1. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh; chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của năm kế hoạch và những chỉ tiêu phản ánh quy mô nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động, điều kiện kinh tế - xã hội và tự nhiên của từng vùng như: dân số theo vùng lãnh thổ, các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội do cơ quan có thẩm quyền thông báo đối với từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, từng địa phương và đơn vị;

3.2. Các luật, pháp lệnh thuế, chế độ thu; định mức phân bổ ngân sách; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp có thẩm quyền quy định; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các văn bản này thì phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và ban hành trước thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Trong đó:

3.2.1. Đối với thu ngân sách nhà nước, việc lập dự toán phải căn cứ vào mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu liên quan và các quy định của pháp luật về thu ngân sách;

3.2.2. Đối với chi đầu tư phát triển, việc lập dự toán phải căn cứ vào những dự án đầu tư có đủ các điều kiện bố trí vốn theo quy định tại Quy chế quản lý vốn đầu tư và xây dựng và phù hợp với khả năng ngân sách hàng năm, kế hoạch tài chính 5 năm; đồng thời ưu tiên bố trí đủ vốn phù hợp với tiến độ triển khai của các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đang thực hiện;

3.2.3. Đối với chi thường xuyên, việc lập dự toán phải tuân theo các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trong đó:

- Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương: căn cứ định mức phân bổ chi ngân sách trung ương do Thủ tướng Chính phủ quyết định, ban hành định mức phân bổ chi ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, bảo đảm đúng về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực.

- Đối với các địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ định mức phân bổ chi ngân sách địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định, ban hành định mức phân bổ chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và cấp dưới.

- Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách, việc lập dự toán căn cứ vào các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Đối với các cơ quan hành chính thực hiện chế độ khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp có thu, việc lập dự toán thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

3.2.4. Đối với chi trả nợ, bảo đảm bố trí chi trả đủ các khoản nợ đến hạn (kể cả nợ gốc và trả lãi) theo đúng nghĩa vụ trả nợ;

3.2.5. Đối với vay bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước, việc lập dự toán phải căn cứ vào cân đối ngân sách, khả năng từng nguồn vay, khả năng trả nợ và mức bội chi ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3.3. Những quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, phân cấp quản lý ngân sách.

3.4. Đối với dự toán ngân sách chính quyền địa phương các cấp, việc lập dự toán trong kỳ ổn định ngân sách căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên đã được giao; đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào chế độ phân cấp ngân sách và dự toán thu, chi ngân sách của từng địa phương.

3.5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau; Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lập dự toán ngân sách ở các cấp địa phương.

3.6. Số kiểm tra về dự toán ngân sách do cơ quan có thẩm quyền thông báo.

3.7. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách một số năm trước và một số năm gần kề.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn về lập dự toán ngân sách.

4.1. Các doanh nghiệp căn cứ vào kế hoạch sản xuất - kinh doanh của đơn vị, các luật, pháp lệnh về thuế và các chế độ thu ngân sách, dự kiến số thuế và các khoản phải nộp ngân sách, dự kiến số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo chế độ; gửi cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ thu ngân sách;

4.2. Cơ quan thuế ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước (thu nội địa) trên địa bàn và cơ sở tính toán từng nguồn thu, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan thuế cấp trên, Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.

4.3. Tổng cục Thuế xem xét dự toán thu, dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn theo chế độ do cơ quan thuế trực thuộc lập, tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước và cơ sở tính toán từng nguồn thu, tổng hợp dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn cho các doanh nghiệp trong cả nước báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

4.4. Cục Hải quan các tỉnh lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, các khoản thu khác liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý gửi Tổng cục Hải quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và đầu tư.

4.5. Tổng cục Hải quan xem xét dự toán thu do các cơ quan hải quan trực thuộc lập, tổng hợp dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và các khoản thu được phân công quản lý báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

4.6. Các đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) xem xét, tổng hợp dự toán của các đơn vị cấp dưới trực thuộc lập, gửi đơn vị dự toán cấp I.

4.7. Các tổ chức được ngân sách hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.

4.8. Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương (đơn vị dự toán cấp I) lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi trực tiếp quản lý, xem xét dự toán do các đơn vị trực thuộc lập; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia cùng cấp (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia); phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán và phương án phân bổ ngân sách theo lĩnh vực của ngân sách cấp mình. Các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương gửi báo cáo trước ngày 20 tháng 07 năm trước. Thời gian gửi báo cáo của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Căn cứ vào đặc điểm của đơn vị và quy định về thời gian gửi dự toán ngân sách nêu trên, đơn vị dự toán cấp I quy định thời gian lập và gửi báo cáo đối với các đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp.

Dự toán thu, chi ngân sách phải kèm theo bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán từng khoản thu, chi.

Các đơn vị dự toán cấp trên khi xem xét báo cáo dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc để tổng hợp, lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý cần yêu cầu các đơn vị trực thuộc sửa đổi lại dự toán trong các trường hợp: lập dự toán không đúng căn cứ về định mức, chế độ, quy mô và khối lượng nhiệm vụ được giao, vượt quá khả năng cân đối ngân sách, lập dự toán ngân sách không đúng biểu mẫu quy định, không đúng Mục lục ngân sách nhà nước,...

4.9. Lập dự toán ngân sách ngành, lĩnh vực.

Các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán thu, chi ngân sách theo ngành, lĩnh vực phụ trách của ngân sách cấp mình. Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, về khoa học công nghệ ở trung ương và địa phương phối hợp với cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp lập dự toán thu, chi ngân sách theo lĩnh vực phụ trách trong phạm vi cả nước và từng địa phương. Các cơ quan nhà nước ở trung ương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 07 năm trước.

4.10. Tổ chức làm việc về dự toán ngân sách nhà nước:

Sau khi thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách, cơ quan tài chính các cấp tổ chức làm việc để thảo luận về dự toán ngân sách với cơ quan, đơn vị cùng cấp và Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp dưới (đối với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách); cơ quan, đơn vị cấp trên phải tổ chức làm việc để thảo luận về dự toán với các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc.

4.11. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Hướng dẫn, tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới lập dự toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý; phối hợp và chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan (nếu có) ở địa phương lập dự toán thu ngân sách nhà nước, dự kiến số phải hoàn thuế giá trị gia tăng theo chế độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (đối với cấp xã) xem xét trước khi báo cáo cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

4.12. Cơ quan tài chính các cấp:

a) Đối với năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách, chủ trì phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, các cơ quan, đơn vị cùng cấp về dự toán ngân sách; có quyền yêu cầu bố trí lại những khoản thu, chi trong dự toán chưa đúng chế độ, tiêu chuẩn, chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, chưa phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định, chỉ làm việc khi Ủy ban nhân dân cấp dưới có đề nghị;

Trong quá trình làm việc, lập dự toán ngân sách và xây dựng phương án phân bổ ngân sách, nếu còn có ý kiến khác nhau giữa cơ quan tài chính với các cơ quan cùng cấp và chính quyền cấp dưới, cơ quan tài chính ở địa

phương phải báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định; Bộ Tài chính phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Chủ trì phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư và các cơ quan liên quan cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách theo lĩnh vực ở cấp mình. Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ, tổng hợp, lập dự toán theo lĩnh vực ở địa phương và trong phạm vi cả nước;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách của cấp mình;

d) Phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp trong việc lập dự toán chi đầu tư phát triển và phương án phân bổ ngân sách đối với một số lĩnh vực chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp mình theo quy định tại Mục b Điểm 4.13 phần III của Thông tư này;

đ) Tổng hợp dự toán và phương án phân bổ dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia (phần chi thường xuyên) do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập;

e) Đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp nhằm thực hiện chính sách tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách.

4.13. Cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự án kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó có cân đối tài chính, tiền tệ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách;

b) Cơ quan kế hoạch và đầu tư phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách cấp mình; chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán chi đầu tư phát triển, lập phương án phân bổ chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi bổ sung dự trữ nhà nước, chi hỗ trợ tín dụng nhà nước và chi góp vốn cổ phần, liên doanh theo chế độ quy định; ở trung ương, gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm trước để tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Luật Ngân sách nhà nước;

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán và phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia (phần chi đầu tư xây dựng cơ bản) do cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia lập và tổng hợp chung dự toán,

phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 9 năm trước.

4.14. Các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương:

a) Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực phối hợp với Bộ Tài chính trong việc xây dựng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

b) Các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia; xây dựng phương án phân bổ chi chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền quyết định; ở trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư trước ngày 30 tháng 7 năm trước để tổng hợp lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ. Trường hợp ý kiến của cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chưa thống nhất với ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

5. Lập, quyết định, phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước.

5.1. Lập dự toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương, lập dự toán ngân sách trung ương và lập dự toán ngân sách nhà nước:

5.1.1. Lập dự toán ngân sách địa phương:

Sở Tài chính - Vật giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét dự toán ngân sách của các đơn vị thuộc tỉnh, dự toán thu do cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập (nếu có), dự toán thu, chi ngân sách của các huyện; lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách tỉnh (gồm dự toán ngân sách huyện, xã và dự toán ngân sách cấp tỉnh), dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trước khi báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ quản lý lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ (đối với dự toán chi giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ), các cơ quan Trung ương quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) chậm nhất vào ngày 25 tháng 7 năm trước.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cụ thể việc lập dự toán ngân sách các cấp ở địa phương phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5.1.2. Lập dự toán ngân sách nhà nước và ngân sách trung ương.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan liên quan, xem xét dự toán thu, chi ngân sách do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo, dự toán chi ngân sách nhà nước theo lĩnh vực (đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ), chi chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo, nhu cầu trả nợ và khả năng vay; tổng hợp và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, lập phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Chính phủ.

Theo phân công của Chính phủ và thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ, báo cáo và giải trình với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội theo quy định tại Quy chế lập thẩm tra trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành.

5.2. Quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, giao dự toán ngân sách nhà nước.

5.2.1. Sau khi dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định, Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, trình Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng địa phương đối với các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo từng lĩnh vực; nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, mức bổ sung cân đối (nếu có), mức bổ sung có mục tiêu từ ngân sách

trung ương, dự toán chi từ nguồn kinh phí uỷ quyền của ngân sách trung ương cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 20 tháng 11 năm trước;

c) Hướng dẫn nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 25 tháng 11 năm trước.

5.2.2. Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh và mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới trước ngày 10 tháng 12 năm trước; Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách tỉnh và kết quả phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (phần ngân sách địa phương hưởng) và giữa các cấp chính quyền địa phương, mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho từng huyện, dự toán chi từ nguồn kinh phí uỷ quyền của ngân sách trung ương, dự toán chi từ nguồn kinh phí uỷ quyền của ngân sách cấp tỉnh (nếu có) cho từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

5.2.3. Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp trên; Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.

5.2.4. Sau khi nhận được dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao; các đơn vị dự toán phải tổ chức phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc, kể cả dự toán chi từ nguồn kinh phí uỷ quyền (nếu có) trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

5.3. Chậm nhất 5 ngày sau khi Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách hoặc dự toán ngân sách điều chỉnh, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp trên (Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách tỉnh);

5.4. Bộ Tài chính kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong trường hợp cần thiết báo cáo Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân điều chỉnh lại dự toán ngân sách địa phương. Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương kiểm tra nghị quyết về dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới, trong trường hợp cần thiết báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách.

6. Tài liệu trình dự toán và phân bổ ngân sách.

6.1. Dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khi trình Quốc hội phải kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định tại Điều 42 của Luật Ngân sách nhà nước và Quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành.

6.2. Dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách các cấp chính quyền địa phương khi trình Hội đồng nhân dân phải kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 và Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương do Chính phủ ban hành.

7. Lập lại dự toán, phương án phân bổ ngân sách.

7.1. Trường hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương chưa được Quốc hội quyết định, Chính phủ lập lại dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội vào thời gian do Quốc hội quyết định.

7.2. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương chưa được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân lập lại dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng không được chậm hơn ngày 10 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh, ngày 20 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp huyện, ngày 30 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp xã.

8. Điều chỉnh dự toán ngân sách năm.

8.1. Điều chỉnh dự toán ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới trong trường hợp dự toán ngân sách của các cấp chính quyền địa phương chưa phù hợp với dự toán ngân sách nhà nước, hoặc chưa phù hợp với dự toán ngân sách cấp trên, thực hiện như sau:

Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân yêu cầu Hội đồng nhân dân cấp dưới điều chỉnh dự toán ngân sách sau khi nhận được báo cáo quyết định dự toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp dưới.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự toán ngân sách điều chỉnh đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Ủy ban nhân dân cấp dưới có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính cấp trên dự toán ngân sách điều chỉnh đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

8.2. Trường hợp có biến động lớn về ngân sách nhà nước cần phải điều chỉnh tổng thể, Chính phủ lập dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất.

8.3. Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc vì lý do khách quan cần phải điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một số cơ quan, đơn vị, địa phương, song không làm biến động đến tổng thể và cơ cấu ngân sách, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

8.4. Trường hợp có biến động lớn về ngân sách địa phương cần phải điều chỉnh tổng thể, Ủy ban nhân dân lập dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

8.5. Trường hợp có yêu cầu cấp bách về quốc phòng, an ninh hoặc do lý do khách quan cần điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi của một vài cơ quan trực thuộc hoặc của ngân sách cấp dưới, nhưng không làm biến động đến tổng thể ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Việc điều chỉnh tổng thể dự toán ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách địa phương theo quy định tại Điểm 8.2 và Điểm 8.4 phần III của Thông tư này, thực hiện theo quy trình lập, quyết định, phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

8.6. Các cơ quan nhà nước điều chỉnh dự toán ngân sách của các đơn vị trực thuộc trong các trường hợp sau:

8.6.1. Khi Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách của cơ quan đó;

8.6.2. Cần phân bổ lại ngân sách cho các đơn vị trực thuộc.

9. Biểu mẫu lập dự toán ngân sách nhà nước năm.

9.1. Các doanh nghiệp đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan được giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước lập kế hoạch thu, chi tài chính của đơn vị theo biểu mẫu quy định của cơ quan thu, cơ quan tài chính.

9.2. Các cơ quan thu lập dự toán thu theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

9.3. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

9.4. Cơ quan Bảo hiểm xã hội lập dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này.

9.5. Cơ quan Lao động - Thương binh và xã hội lập dự toán chi trợ cấp xã hội theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này.

9.6. Cơ quan Kế hoạch và đầu tư lập dự toán chi xây dựng cơ bản theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này.

9.7. Ủy ban nhân dân và cơ quan Tài chính địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này.

9.8. Bộ Tài chính lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo hệ thống biểu mẫu quy định tại phụ lục số 7 kèm theo Thông tư này.

IV- Chấp hành ngân sách nhà nước

1. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách:.

1.1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các đơn vị dự toán cấp I tiến hành phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử

dụng ngân sách trực thuộc theo các nguyên tắc được quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ. Đối với các Bộ, Tổng cục được tổ chức theo ngành dọc, chưa có điều kiện phân bổ và giao dự toán trực tiếp đến các đơn vị sử dụng ngân sách, thì có thể phân bổ đến đơn vị dự toán cấp II và uỷ quyền cho đơn vị này phân bổ, giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, song Bộ, Tổng cục phải tổng hợp và chịu trách nhiệm về toàn bộ dự toán ngân sách đã phân bổ và giao cho đơn vị sử dụng ngân sách.

1.2. Dự toán chi thường xuyên giao cho đơn vị sử dụng ngân sách được phân bổ theo từng loại của Mục lục ngân sách nhà nước, theo các nhóm mục:

- Chi thanh toán cá nhân.
- Chi nghiệp vụ chuyên môn.
- Chi mua sắm, sửa chữa.
- Các khoản chi khác.

Đối với các nhiệm vụ chi về chương trình mục tiêu quốc gia; chi mua sắm, sửa chữa lớn; chi sự nghiệp kinh tế, dự toán năm giao cho đơn vị sử dụng còn được phân theo tiến độ thực hiện từng quý.

1.3. Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ chi tiết theo từng loại và các mục của Mục lục ngân sách nhà nước và phân theo tiến độ thực hiện từng quý.

1.4. Khi phân bổ dự toán ngân sách được giao, cơ quan, đơn vị phân bổ dự toán phải bảo đảm bố trí vốn, kinh phí cho các dự án, nhiệm vụ đã được chi ứng trước dự toán; đồng thời, phải phân bổ hết dự toán ngân sách được giao, trường hợp có các nhiệm vụ chi chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm thì được giữ lại để phân bổ sau nhưng khi phân bổ phải gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm tra theo quy trình quy định tại Điểm 1.5 và Điểm 1.6 phần IV của Thông tư này.

1.5. Phương án phân bổ dự toán ngân sách của cơ quan nhà nước và đơn vị dự toán cấp I cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phải gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm tra. Nội dung thẩm tra gồm:

- Thẩm tra tính chính xác giữa phân bổ của cơ quan, đơn vị đến đơn vị sử dụng ngân sách với nội dung dự toán do cơ quan có thẩm quyền giao.
- Bảo đảm đúng chính sách, chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi ngân sách.

Qua thẩm tra, nếu phát hiện phương án phân bổ không đảm bảo các yêu cầu trên thì cơ quan tài chính yêu cầu cơ quan phân bổ điều chỉnh lại. Trường hợp cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách không thống nhất với yêu cầu điều chỉnh của cơ quan tài chính thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đối với các cơ quan, đơn vị trung ương), Ủy ban nhân dân (đối với các cơ quan, đơn vị địa phương) để xem xét, quyết định.

1.6. Trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án phân bổ dự toán ngân sách, cơ quan tài chính phải thẩm tra và có thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm tra đến cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách. Trường hợp các Bộ, Tổng cục được tổ chức theo ngành dọc, chỉ phân bổ và giao dự toán đến đơn vị dự toán cấp II thì vẫn phải tổng hợp toàn bộ phương án phân bổ đến đơn vị sử dụng ngân sách gửi Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thực hiện thẩm tra và thông báo bằng văn bản đến cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách.

1.7. Sau khi phương án phân bổ ngân sách được cơ quan tài chính thống nhất, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách quyết định giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để phối hợp thực hiện.

1.8. Trường hợp chậm phân bổ hoặc kết quả phân bổ chưa được cơ quan tài chính thống nhất thì cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tạm cấp kinh phí theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

1.9. Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách giữa các đơn vị trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách lập giấy đề nghị điều chỉnh phân bổ dự toán, gửi cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

Cơ quan tài chính cùng cấp thẩm tra đề nghị điều chỉnh dự toán theo quy định tại Điểm 1.5 phần IV của Thông tư này. Trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh của đơn vị dự toán, cơ quan tài chính phải trả lời bằng văn bản gửi cơ quan, đơn vị phân bổ và Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

Trên cơ sở thống nhất ý kiến với cơ quan tài chính cùng cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị trực thuộc; đồng gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

1.10. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I cần phải điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị trực thuộc song không làm thay đổi tổng mức dự toán Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân đã giao cho đơn vị thì phải có sự thống nhất của cơ quan tài chính cùng cấp.

1.11. Trường hợp cơ quan tài chính phát hiện việc chấp hành dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách chậm, có khả năng không hoàn thành được mục tiêu hoặc chi không hết dự toán được giao thì có quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị phân bổ ngân sách, hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân có giải pháp kịp thời hoặc điều chỉnh nhiệm vụ, dự toán để bảo đảm sử dụng ngân sách đúng theo mục tiêu, chế độ quy định, tiết kiệm, có hiệu quả ngân sách nhà nước.

1.12. Trường hợp được bổ sung dự toán từ nguồn dự phòng ngân sách hoặc tăng thu ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị dự toán cấp I phải phân bổ cho đơn vị sử dụng theo đúng mục tiêu được giao gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

2. Tổ chức điều hành ngân sách quý.

2.1. Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu lập dự toán thu ngân sách quý chi tiết theo khu vực kinh tế, địa bàn và đối tượng thu chủ yếu, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 tháng cuối quý trước:

- Cơ quan Thuế lập dự toán thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc phạm vi quản lý.

- Cơ quan Hải quan lập dự toán thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu và các khoản thu khác thuộc phạm vi quản lý.

- Cơ quan Tài chính và các cơ quan thu khác được uỷ quyền lập dự toán thu các khoản thu còn lại của ngân sách nhà nước.

2.2. Trên cơ sở dự toán chi cả năm được giao và yêu cầu nhiệm vụ phải chi trong quý, các đơn vị sử dụng ngân sách lập nhu cầu chi ngân sách quý (có chia ra tháng), chi tiết theo các nhóm mục chi quy định tại Điểm 1.2 phần IV của Thông tư này, gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và cơ quan quản lý cấp trên trước ngày 20 của tháng cuối của quý trước. Các khoản chi thanh toán cá nhân và các khoản chi có tính chất thường xuyên phải bố trí đều từng tháng trong năm để chi theo chế độ quy định. Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản,

mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản có tính chất không thường xuyên khác phải thực hiện theo tiến độ thực hiện từng quý đã ghi trong dự toán được giao.

Cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, nhu cầu chi ngân sách quý (có chia ra tháng), gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 25 tháng cuối của quý trước.

2.3. Cơ quan tài chính căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhu cầu chi trong quý, lập phương án điều hành ngân sách quý của ngân sách cấp mình, bảo đảm nguồn để đáp ứng nhu cầu chi trong dự toán, đúng chế độ của các đơn vị sử dụng ngân sách.

Trường hợp khả năng nguồn thu, kể cả các khoản vay (đối với ngân sách trung ương) không đáp ứng được nhu cầu chi, cơ quan tài chính chủ động thực hiện các giải pháp tạm ứng nguồn theo quy định tại Điểm 16 phần IV của Thông tư này. Trường hợp đặc biệt, nếu đã thực hiện các giải pháp trên mà vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu chi, cơ quan tài chính phải bảo đảm đủ nguồn chi trả, thanh toán cho các khoản về tiền lương và có tính chất lương, chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình quan trọng, chi chương trình mục tiêu quốc gia và các khoản chi mang tính thường xuyên phải chi kịp thời để bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị; đối với các khoản chi khác, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Đồng thời, có thể yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán đối với một số khoản chi về mua sắm, sửa chữa theo từng nhiệm vụ cụ thể để bảo đảm cân đối quỹ ngân sách nhưng không được ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính được giao của đơn vị.

2.4. Phương án điều hành ngân sách quý của cơ quan tài chính phải gửi đến Kho bạc Nhà nước cùng cấp chậm nhất vào ngày 30 tháng cuối của quý trước để phối hợp thực hiện. Trường hợp đặc biệt phải thực hiện sắp xếp lại nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên hoặc tạm dừng thanh toán đối với một số khoản chi thì cơ quan tài chính còn phải thông báo cho các đơn vị dự toán có liên quan để chủ động thực hiện. Nếu đến ngày 01 tháng đầu của quý mà đơn vị chưa nhận được thông báo của cơ quan tài chính thì coi như nhu cầu chi của đơn vị theo đăng ký sẽ được bảo đảm về nguồn.

2.5. Trường hợp phát sinh các khoản chi cần thiết cấp bách, không thể trì hoãn, trong phạm vi dự toán ngân sách năm được giao, nhưng vượt quá nhu cầu chi quý mà đơn vị sử dụng đã gửi Kho bạc Nhà nước thì Kho bạc Nhà nước vẫn chi song phải tổng hợp báo cáo kịp thời qua hệ thống kho bạc cho cơ quan tài chính để chủ động cân đối nguồn.

3. Tổ chức thu ngân sách nhà nước.

3.1. Các tổ chức cá nhân có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp chậm nộp mà không được phép sẽ bị cưỡng chế nộp theo quy định của các luật, pháp lệnh thuế và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

3.2. Phương thức thu ngân sách nhà nước:

Toàn bộ các khoản thu của ngân sách nhà nước phải nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước, trừ một số khoản cơ quan thu có thể thu trực tiếp song phải định kỳ nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ.

4.1. Các khoản thu ngân sách và vay bằng ngoại tệ được tập trung quản lý tại Kho bạc Nhà nước trung ương. Khi nhập quỹ, Kho bạc Nhà nước đồng thời quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để ghi thu ngân sách nhà nước và phân chia số thu cho các cấp ngân sách theo chế độ quy định.

4.2. Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) không được thành lập quỹ ngoại tệ riêng. Toàn bộ số thu ngân sách bằng ngoại tệ phát sinh tại Kho bạc Nhà nước ở địa phương được gửi vào tài khoản ngoại tệ mở tại ngân hàng thương mại nhà nước, định kỳ tập trung về Kho bạc Nhà nước trung ương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bộ trưởng Bộ Tài chính có quy định riêng về việc sử dụng ngoại tệ của ngân sách.

5. Nguyên tắc chi trả, thanh toán các khoản chi của ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước năm được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của đơn vị theo đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức, cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước thực hiện chi trả, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người hưởng lương, người cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người nhận thầu.

Trong thời gian trước mắt, khi chưa đủ điều kiện thực hiện đầy đủ nguyên tắc chi trả, thanh toán trực tiếp nêu trên, việc chi trả, thanh toán đối với một số khoản chi ngân sách nhà nước áp dụng theo các hình thức quy định tại các Điểm 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 phần IV của Thông tư này.

6. Chi trả, thanh toán theo dự toán từ Kho bạc Nhà nước.

6.1. Đối tượng chi trả, thanh toán theo dự toán từ Kho bạc Nhà nước gồm các khoản chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan, đơn vị sau:

- Các cơ quan hành chính nhà nước;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí.
- Các Tổng công ty nhà nước được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật.

6.2. Quy trình chi trả, thanh toán như sau:

6.2.1. Căn cứ vào phương án điều hành ngân sách quý do cơ quan tài chính thông báo, nhu cầu thanh toán, chi trả hàng quý của các đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc Nhà nước chủ động lập kế hoạch nguồn vốn; kế hoạch chi trả, thanh toán; kế hoạch tiền mặt, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời yêu cầu chi của các đơn vị sử dụng ngân sách.

6.2.2. Căn cứ vào nhu cầu chi quý đã gửi Kho bạc Nhà nước và theo yêu cầu nhiệm vụ chi, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách lập giấy rút dự toán ngân sách, kèm theo hồ sơ thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền thông báo điều chỉnh nhu cầu chi quý thì đơn vị chỉ được chi trong giới hạn điều chỉnh.

6.2.3. Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm tra hồ sơ thanh toán, các điều kiện chi quy định tại Điều 51 của Nghị định số 60/2003/NĐ- CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và giấy rút dự toán ngân sách của thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc của người được uỷ quyền, thực hiện việc chi trả, thanh toán.

6.2.4. Trường hợp chưa có đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tiếp qua Kho bạc Nhà nước ở tất cả các khoản chi thì được phép cấp tạm ứng đối với một số khoản chi theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Sau khi hoàn thành công việc và có đủ chứng từ thanh toán thì chuyển từ tạm ứng sang thực chi.

Khi rút dự toán để chi tiêu, đơn vị sử dụng ngân sách và Kho bạc Nhà nước hạch toán đúng mục chi theo Mục lục ngân sách nhà nước, trong phạm

vi tổng mức của nhóm mục ghi trong dự toán đã giao, riêng nhóm mục chi khác được rút từ dự toán để chi cho tất cả các mục song phải hạch toán đúng mục chi. Trường hợp cần phải điều chỉnh dự toán giữa các nhóm mục, đơn vị sử dụng ngân sách phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định sau khi thống nhất với cơ quan tài chính cùng cấp.

7. Chi trả, thanh toán bằng hình thức lệnh chi tiền.

7.1. Các nhiệm vụ chi được chi trả, thanh toán theo hình thức lệnh chi tiền gồm:

- a) Chi cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội không có quan hệ thường xuyên với ngân sách;
- b) Chi trả nợ, viện trợ;
- c) Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới và một số khoản chi khác theo quyết định của thủ trưởng cơ quan tài chính.

7.2. Quy trình chi trả, thanh toán như sau:

7.2.1. Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được giao và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, cơ quan tài chính xem xét, kiểm tra từng yêu cầu chi và nếu bảo đảm đủ các điều kiện thanh toán quy định tại Điều 51 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ thì ra lệnh chi trả cho tổ chức, cá nhân được hưởng ngân sách.

7.2.2. Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc cấp tiền mặt cho tổ chức, cá nhân được hưởng ngân sách.

8. Quy định cụ thể về thanh toán, chi trả một số khoản chi có tính chất đặc thù.

8.1. Chi cho vay của ngân sách nhà nước:

- Đối với các khoản chi cho vay theo chế độ quy định của ngân sách nhà nước, cơ quan tài chính chuyển nguồn vốn cho cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc chuyển tiền bằng lệnh chi tiền theo hợp đồng cho tổ chức được vay trong trường hợp cho vay trực tiếp.

- Cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc cơ quan tài chính trong trường hợp cho vay trực tiếp có trách nhiệm quản lý, cho vay, thu hồi nợ gốc, lãi nộp vào ngân sách nhà nước và quyết toán theo chế độ quy định.

8.2. Chi trả nợ của ngân sách nhà nước:

8.2.1. Trả nợ nước ngoài: căn cứ vào dự toán năm về chi trả nợ nước ngoài và yêu cầu thanh toán, cơ quan tài chính lập lệnh chi thanh toán cho tổ chức cho vay.

8.2.2. Trả nợ trong nước:

- Đối với thanh toán tín phiếu, trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước bán lẻ: căn cứ yêu cầu thanh toán, Kho bạc Nhà nước thanh toán cho người mua tín phiếu, trái phiếu. Trên cơ sở thực chi theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính lập lệnh chi thanh toán cho Kho bạc Nhà nước.

- Đối với thanh toán tín phiếu, trái phiếu Kho bạc Nhà nước phát hành qua đấu thầu, bảo lãnh: đến kỳ hạn thanh toán, trên cơ sở đề nghị của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính lập lệnh chi thanh toán trực tiếp cho ngân hàng và các tổ chức làm đại lý hoặc bảo lãnh.

- Đối với các khoản chi trả nợ trong nước khác: Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán theo lệnh chi của Bộ Tài chính.

8.3. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

Thực hiện chi trả, thanh toán theo quy trình quy định tại Điểm 6 phần IV của Thông tư này, phần chi thường xuyên và quy trình quy định tại Điểm 9 phần IV của Thông tư này, phần chi đầu tư xây dựng cơ bản.

9. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Việc chuyển vốn cho Kho bạc Nhà nước để chi đầu tư xây dựng cơ bản và việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Bộ trưởng Bộ Tài chính có quy định riêng.

10. Thanh toán, chi trả bằng ngoại tệ.

Đối với các nhiệm vụ chi của ngân sách phải chi trả bằng ngoại tệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính có quy định riêng.

11. Chi bằng hiện vật và ngày công lao động.

11.1. Đối với các khoản chi ngân sách nhà nước bằng hiện vật, căn cứ vào biên bản bàn giao hiện vật, giá hiện vật theo thị trường được duyệt, cơ quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam để làm lệnh thu ngân sách, đồng thời làm lệnh chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước.

11.2. Đối với các khoản chi bằng ngày công lao động, căn cứ giá ngày công lao động được duyệt, cơ quan tài chính làm lệnh thu ngân sách, đồng thời làm lệnh chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước.

12. Chi bằng kinh phí uỷ quyền.

12.1. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên uỷ quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng của mình thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó.

Khi được cấp trên giao kinh phí uỷ quyền, Ủy ban nhân dân cấp dưới phân bổ và giao dự toán kinh phí uỷ quyền cho từng đơn vị theo đúng mục tiêu chi uỷ quyền, đúng chính sách, chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi ngân sách.

12.2. Căn cứ dự toán năm về kinh phí uỷ quyền và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, cơ quan tài chính cấp trên lập lệnh chi chuyển nguồn kinh phí uỷ quyền cho cơ quan tài chính cấp nhận uỷ quyền,

12.3. Cơ quan tài chính cấp dưới mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để nhận kinh phí uỷ quyền của cơ quan tài chính cấp trên.

12.4. Trên cơ sở dự toán năm được giao về kinh phí uỷ quyền, số kinh phí đã chuyển của cơ quan tài chính cấp trên và tiến độ thực hiện nhiệm vụ chi, Kho bạc Nhà nước mới thực hiện thanh toán cho các đơn vị sử dụng kinh phí uỷ quyền theo đúng quy định tại Điểm 6 phần IV của Thông tư này, nếu là uỷ quyền về kinh phí thường xuyên và theo quy trình cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nếu là uỷ quyền về vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Trường hợp các khoản uỷ quyền có lượng vốn nhỏ, nội dung chi rõ thì cơ quan tài chính nhận uỷ quyền có thể dùng uỷ nhiệm chi để chi trực tiếp cho đơn vị sử dụng kinh phí uỷ quyền.

12.5. Trong quá trình chi trả, thanh toán kinh phí uỷ quyền, cơ quan tài chính nhận uỷ quyền và Kho bạc Nhà nước phải bảo đảm đáp ứng kinh phí kịp thời và đầy đủ; thực hiện kiểm soát chi theo đúng các quy định về quản lý chi ngân sách nhà nước.

12.6. Cơ quan tài chính nhận uỷ quyền phải báo cáo tình hình nhận và sử dụng kinh phí uỷ quyền hàng quý và quyết toán năm với cơ quan tài chính uỷ quyền theo mẫu biểu quy định. Cuối năm kinh phí uỷ quyền không sử dụng hết phải chuyển trả cơ quan uỷ quyền.

13. Chi ứng trước dự toán.

13.1. Các trường hợp được chi ứng trước dự toán ngân sách năm sau bao gồm:

a) Các dự án, công trình quốc gia và công trình xây dựng cơ bản thuộc nhóm A, đã có đủ điều kiện thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng đang thực hiện, cần phải đẩy nhanh tiến độ;

b) Một số nhiệm vụ quan trọng cấp bách phải thực hiện theo chế độ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định nhưng chưa được bố trí trong dự toán và nguồn dự phòng không đáp ứng được.

13.2. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 61 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện chi ứng trước cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy trình quy định tại Điểm 6 phần IV của Thông tư này, nếu là chi ứng trước về kinh phí thường xuyên và theo quy trình cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản nếu là chi ứng trước về đầu tư xây dựng cơ bản.

13.3. Việc chi ứng trước dự toán được quyết định cho các lĩnh vực cụ thể của các cơ quan, đơn vị được ứng trước như: xây dựng cơ bản, giáo dục-đào tạo, quản lý hành chính,... nhưng tổng mức ứng cho từng lĩnh vực của từng cơ quan, đơn vị không được vượt quá 20% dự toán đã giao thuộc lĩnh vực đó hoặc số kiểm tra dự toán chi ngân sách năm sau đã thông báo cho cơ quan, đơn vị đó. Trường hợp chi ứng trước sau khi cơ quan có thẩm quyền đã giao số kiểm tra dự toán năm sau thì tổng mức ứng trước không quá 20% số kiểm tra theo từng lĩnh vực.

13.4. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thu hồi vốn ứng trước của ngân sách trung ương; Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm thu hồi ứng trước của ngân sách địa phương.

14. Mở tài khoản để nhận kinh phí ngân sách nhà nước cấp.

14.1. Các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ thường xuyên phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước trong quá trình thanh toán, sử dụng kinh phí. Nghiêm cấm các đơn vị sử dụng ngân sách rút dự toán chuyển vào tài khoản tiền gửi, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép. Trường hợp được mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại nhà nước để tập trung một số khoản thu thì phải quản lý và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

14.2. Kho bạc Nhà nước trung ương quy định cụ thể việc mở tài khoản cho các đơn vị.

15. Trong quá trình chấp hành ngân sách, nếu có sự thay đổi về nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện như sau:

15.1. Số tăng thu (sau khi trừ số trích thưởng cho các địa phương và số tăng thu so với dự toán từ các khoản thu được đầu tư trở lại cho đơn vị, địa phương theo số thu theo chế độ quy định) và số tiết kiệm chi so dự toán được giao, được sử dụng để giảm bội chi, tăng chi trả nợ, tăng chi đầu tư phát triển, bổ sung quỹ dự trữ tài chính, tăng dự phòng ngân sách theo quy định tại Điều 54 của Nghị định số 60/2003/NĐ- CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

15.2. Nếu giảm thu so với dự toán được duyệt thì phải sắp xếp lại để giảm một số khoản chi tương ứng.

15.3. Khi phát sinh các công việc đột xuất như: chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi cấp bách khác chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán được giao mà sau khi sắp xếp lại các khoản chi, đơn vị hoặc ngân sách cấp dưới vẫn chưa đáp ứng được cần báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan hành chính cấp trên để xử lý. Cơ quan tài chính kiểm tra, xem xét và nếu cần thiết phải chi thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định (hoặc quyết định theo phân cấp) sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình để xử lý theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

16. Xử lý thiếu hụt tạm thời.

Khi xảy ra thiếu hụt ngân sách tạm thời do nguồn thu và các khoản vay (đối với ngân sách trung ương) tập trung chậm hoặc có nhiều nhu cầu phải chi trong cùng thời điểm dẫn đến mất cân đối tạm thời về quỹ ngân sách, các cấp ngân sách được phép xử lý như sau:

16.1. Ngân sách trung ương được tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính của trung ương, tồn ngân Kho bạc Nhà nước theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; nếu còn thiếu thì tạm ứng từ Quỹ Bảo hiểm xã hội và các quỹ tài chính nhà nước khác theo sự thoả thuận của Bộ Tài chính với Hội đồng quản lý các quỹ này.

Trường hợp đã tạm ứng các quỹ trên mà vẫn còn thiếu, thì Bộ trưởng Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định tạm ứng vốn của Ngân hàng nhà nước.

16.2. Ngân sách cấp tỉnh được tạm ứng Quỹ Dự trữ tài chính của tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp đã sử dụng Quỹ Dự trữ tài chính của tỉnh nhưng vẫn không đủ để chi trả các nhu cầu cấp thiết không thể trì hoãn thì đề nghị Bộ Tài chính xem xét tăng tiến độ cấp số bổ sung cân đối ngân sách hoặc tạm ứng từ ngân sách trung ương (nếu ngân sách trung ương có khả năng) hoặc tạm ứng Quỹ Dự trữ tài chính của trung ương.

16.3. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã được tạm ứng Quỹ Dự trữ tài chính của tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc xét cho tạm ứng đối với ngân sách cấp xã, ngoài đề nghị của Ủy ban nhân dân xã còn phải căn cứ vào ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Trường hợp Quỹ Dự trữ tài chính của tỉnh không đáp ứng được thì có thể đề nghị cơ quan tài chính cấp trên tăng tiến độ bổ sung hoặc tạm ứng nguồn từ ngân sách cấp trên (nếu ngân sách cấp trên có khả năng).

16.4. Các khoản tạm ứng để xử lý thiếu hụt tạm thời phải được hoàn trả trong năm ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt được Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép đối với tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước.

17. Thưởng thu vượt dự toán.

17.1. Thưởng thu vượt dự toán về các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương:

a) Việc xét thưởng thu vượt dự toán về các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương hàng năm được thực hiện theo nguyên tắc:

- Chỉ xét thưởng đối với số thu vượt dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, phần ngân sách trung ương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại Điều 56 Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ, sau khi loại trừ:

+ Số thu thực hiện ở các địa bàn khác nhưng hạch toán thu tại địa phương xét thưởng.

+ Các khoản thu đã được cấp có thẩm quyền quyết định dùng để chi cho các mục tiêu xác định.

- Tính trên tổng thể các khoản thu phân chia, không xét riêng từng khoản thu.

- Mức thưởng được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số thu vượt, song không quá 30% số tăng thu so với dự toán và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

- Tỷ lệ thưởng đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ khi giao dự toán ngân sách.

*** Ví dụ 1:**

Tại tỉnh A, số thu (ngân sách trung ương) từ các khoản thu phân chia thực hiện năm trước là 500 tỷ đồng. Năm nay, dự toán thu ngân sách trung ương được giao là 550 tỷ đồng, tỷ lệ thưởng trên số thu vượt dự toán giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 30%, kết quả thực hiện đạt 600 tỷ đồng. Mức thưởng cho tỉnh A xác định như sau:

- Số thưởng theo tỷ lệ : $(600 \text{ tỷ} - 550 \text{ tỷ}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

- Số tăng thu so với năm trước : $600 \text{ tỷ} - 500 \text{ tỷ} = 100 \text{ tỷ đồng}$.

Do số tăng thu so năm trước lớn hơn số tăng thu theo dự toán, nên mức thưởng thu vượt dự toán cho tỉnh A là 15 tỷ đồng.

*** Ví dụ 2:**

Vẫn tại tỉnh A nêu trên, nếu kết quả thực hiện năm trước là 590 tỷ đồng; dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện 600 tỷ đồng.

- Số thưởng theo tỷ lệ: $(600 \text{ tỷ} - 550 \text{ tỷ}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

- Số thưởng vượt thu so với năm trước: $600 \text{ tỷ} - 590 \text{ tỷ} = 10 \text{ tỷ đồng}$.

Số được thưởng chỉ bằng mức tăng thu so năm trước là 10 tỷ đồng.

*** Ví dụ 3:**

Vẫn tại tỉnh A nêu trên, nếu kết quả thực hiện năm trước là 610 tỷ đồng, dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện là 600 tỷ đồng.

- Số thưởng theo tỷ lệ: $(600 \text{ tỷ} - 550 \text{ tỷ}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

- Số tăng thu so năm trước: $600 \text{ tỷ} - 610 \text{ tỷ} = - 10 \text{ tỷ đồng}$.

Địa phương không được thưởng vì số thu không tăng so thực hiện năm trước.

b) Căn cứ kết quả thu nộp ngân sách đến thời điểm 31 tháng 12, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổng hợp số thực nộp ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại mục a Điểm 17.1 phần IV của Thông tư này gửi Bộ Tài chính làm cơ sở xét thưởng. Báo cáo trên được gửi

về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 1 năm sau và phải có xác nhận của Kho bạc Nhà nước tỉnh. Quá thời hạn trên, Bộ Tài chính sẽ không xem xét, chi thưởng cho các tỉnh.

17.2. Sau khi nhận được quyết định thưởng thu vượt dự toán của Bộ Tài chính, căn cứ nguyên tắc xét thưởng, mục đích sử dụng số thưởng thu vượt dự toán về các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại Điểm 17.1 phần IV của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phương án sử dụng nguồn tiền thưởng báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thực hiện nhiệm vụ quan trọng khác và thưởng cho ngân sách cấp dưới.

Khi nhận được tiền thưởng từ ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp dưới lập phương án sử dụng trình Hội đồng nhân dân quyết định để bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác.

17.3. Bộ Tài chính chi từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương để thưởng thu vượt dự toán cho các địa phương; thưởng thu vượt dự toán từ ngân sách năm nào thì hạch toán vào chi ngân sách tương ứng năm đó. Các địa phương nhận tiền thưởng, hạch toán vào thu ngân sách năm được thưởng, nếu sử dụng vào năm được thưởng thì hạch toán chi ngân sách năm đó, nếu sử dụng vào năm sau thì chi chuyển nguồn ngân sách để sử dụng và hạch toán chi ngân sách năm sau. Nghiêm cấm việc tự trích thưởng dưới mọi hình thức.

18. Lập, quản lý và sử dụng dự phòng ngân sách.

18.1. Dự toán ngân sách trung ương và dự toán ngân sách các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng bằng 2 - 5% tổng số chi của ngân sách mỗi cấp.

18.2. Dự phòng ngân sách được sử dụng cho các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các giải pháp khẩn cấp nhằm phòng chống thiên tai, hoả hoạn, tai nạn trên diện rộng;
- Khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn đối với thiệt hại tài sản nhà nước; hỗ trợ khắc phục hậu quả đối với thiệt hại của các tổ chức và dân cư;
- Thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết, cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán đã giao đầu năm cho các đơn vị trực thuộc;

- Hỗ trợ ngân sách cấp dưới để xử lý các nhiệm vụ nói trên sau khi cấp dưới đã sử dụng dự phòng, một phần dự trữ tài chính của cấp mình mà vẫn chưa đáp ứng được.

18.3. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng:

- Đối với dự phòng ngân sách trung ương: Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định cho các nhiệm vụ chi với mức từ 1 tỷ đồng trở xuống. Đối với nhiệm vụ chi với mức trên 1 tỷ đồng, Bộ Tài chính chủ trì thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; nếu là nhiệm vụ chi về đầu tư xây dựng cơ bản, bổ sung dự trữ nhà nước, hỗ trợ tín dụng nhà nước, góp vốn cổ phần, liên doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thống nhất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng chính phủ xem xét, quyết định.

Đối với việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện những chính sách, chế độ mới quan trọng, cấp bách đã được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định, Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức thực hiện, sau đó tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương: cơ quan tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định sử dụng.

18.4. Quy trình chi các khoản từ dự phòng ngân sách thực hiện theo các quy định tại các Điểm 6 và Điểm 9 phần IV của Thông tư này.

Bộ Tài chính tổng hợp tình hình sử dụng dự phòng ngân sách trung ương báo cáo Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội hàng quý và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

18.5. Cơ quan tài chính địa phương tổng hợp tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trình thường trực Hội đồng nhân dân hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất. Đối với cấp xã, Ủy ban nhân dân báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

19. Lập, quản lý và sử dụng dự trữ tài chính.

19.1. Việc trích lập và sử dụng Quỹ Dự trữ tài chính theo đúng quy định tại Điều 58 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

19.2. Trường hợp sử dụng Quỹ Dự trữ tài chính cho cân đối ngân sách theo quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 58 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ thì ghi thu ngân sách và chi cho các nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tương ứng.

19.3. Hết năm ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo gửi Hội đồng nhân dân cùng cấp và Bộ Tài chính về tình hình thu, chi quỹ dự trữ tài chính của tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

20. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước.

- Quỹ ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản tiền của Nhà nước, kể cả tiền vay, có trên tài khoản của ngân sách nhà nước các cấp. Quản lý quỹ ngân sách nhà nước là trách nhiệm của cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước các cấp.

- Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm được giao và dự toán ngân sách quý, cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước xây dựng định mức tồn quỹ ngân sách nhà nước hàng quý để bảo đảm thanh toán, chi trả, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước.

- Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho cơ quan tài chính mức tồn quỹ của ngân sách. Trường hợp cần thiết để bảo đảm nguồn chi trả, cơ quan tài chính thực hiện các giải pháp xử lý thiếu hụt tạm thời quy định tại Điểm 16 Phần IV của Thông tư này.

21. Chế độ báo cáo.

21.1. Việc báo cáo định kỳ tình hình thực hiện thu, chi ngân sách, báo cáo kế toán, quyết toán và báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ báo cáo do Bộ Tài chính quy định.

21.2. Việc tạm đình chỉ chi ngân sách của các tổ chức, cá nhân, đơn vị không chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo thực hiện như sau:

- Cơ quan tài chính ra thông báo yêu cầu thời hạn cuối cùng phải nộp báo cáo.

- Trường hợp đơn vị vẫn không thực hiện đúng thông báo trên, cơ quan tài chính ra quyết định đình chỉ chi ngân sách đối với đơn vị đó, thông báo cho Kho bạc Nhà nước cùng cấp để thực hiện, đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của tổ chức, đơn vị bị đình chỉ chi biết để đôn đốc, nhắc nhở.

22. Trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân trong việc quản lý chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 52 và Điều 83 của Nghị định số 60/2003/NĐ- CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

V- Kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

1.1. Đơn vị dự toán các cấp:

- Đơn vị dự toán cấp I là đơn vị trực tiếp nhận dự toán ngân sách hàng năm do Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao. Đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách cho đơn vị cấp dưới trực thuộc; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị mình và công tác kế toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định.

- Đơn vị dự toán cấp II là đơn vị cấp dưới đơn vị dự toán cấp I, được đơn vị dự toán cấp I giao dự toán và phân bổ dự toán được giao cho đơn vị dự toán cấp III (trường hợp được ủy quyền của đơn vị dự toán cấp I), chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị mình và công tác kế toán và quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới theo quy định.

- Đơn vị dự toán cấp III là đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách, được đơn vị dự toán cấp I hoặc cấp II giao dự toán ngân sách, có trách nhiệm tổ chức, thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách của đơn vị mình và đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc (nếu có) theo quy định.

- Đơn vị cấp dưới của đơn vị dự toán cấp III được nhận kinh phí để thực hiện phần công việc cụ thể, khi chi tiêu phải thực hiện công tác kế toán và quyết toán theo quy định.

1.2. Cơ quan tài chính các cấp:

- Bộ Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đối với công tác kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước, lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách trung ương và tổng hợp, lập quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

- Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương có trách nhiệm chỉ đạo công tác kế toán ngân sách thuộc phạm vi quản lý, lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp mình, tổng hợp báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, quyết toán chi kinh phí ủy quyền của cấp trên.

1.3. Kho bạc Nhà nước:

Kho bạc Nhà nước các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện thu,

chi ngân sách theo dự toán đã giao và theo Mục lục ngân sách nhà nước cho cơ quan tài chính đồng cấp. Kho bạc Nhà nước cấp huyện, ngoài việc hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, còn thực hiện hạch toán kế toán thu, chi ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) trên địa bàn huyện và gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân xã theo quy định.

2. Tổ chức bộ máy kế toán, quyết toán ngân sách.

Đơn vị dự toán, cơ quan tài chính các cấp và Kho bạc Nhà nước phải tổ chức công tác kế toán, quyết toán ngân sách theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước.

3.1. Kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước phải thực hiện thống nhất về:

- a) Chứng từ thu và chi ngân sách nhà nước;
- b) Mục lục ngân sách nhà nước;
- c) Hệ thống tài khoản, sổ sách, mẫu biểu báo cáo; phương pháp hạch toán, lập sổ; phương pháp lập, thời gian gửi báo cáo;
- d) Mã số đối tượng nộp thuế, mã số đơn vị sử dụng ngân sách, mã số nguồn vốn thu, chi ngân sách.

3.2. Niên độ kế toán tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

3.3. Kỳ kế toán quy định là tháng, quý và năm.

- Tháng tính từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng;
- Quý tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của quý;
- Năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

4. Khóa sổ kế toán ngân sách nhà nước.

Hết kỳ kế toán (tháng, quý, năm) các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp chính quyền phải thực hiện công tác khóa sổ kế toán. Việc khóa sổ cuối năm thực hiện như sau:

4.1. Đối với đơn vị dự toán các cấp:

4.1.1. Thực hiện rà soát, đối chiếu các khoản phải nộp ngân sách, làm thủ tục nộp ngay các khoản phải nộp nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm các đơn vị giữ lại nguồn thu của ngân sách nhà nước; trường hợp số thu phát sinh nhưng chưa kịp làm thủ tục nộp vào năm ngân

sách hiện hành mà chuyển nộp vào ngân sách năm sau thì hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau.

4.1.2. Theo dõi chặt chẽ dự toán còn lại chưa chi, số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước và tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị để chủ động chi tiêu trong những ngày cuối năm.

4.1.3. Các khoản chi ngân sách được bố trí trong dự toán ngân sách năm nào, chỉ được chi trong niên độ ngân sách năm đó. Các khoản chi ngân sách thuộc dự toán năm trước chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện hết, không được chuyển sang năm sau chi tiếp; trường hợp đặc biệt được Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với các khoản chi của ngân sách trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc ủy quyền cho thủ trưởng cơ quan tài chính (đối với các khoản chi của các cấp chính quyền địa phương) quyết định cho chi tiếp thì hạch toán, quyết toán như sau:

a) Nếu được quyết định chi vào ngân sách năm trước, thì dùng tồn quỹ năm trước để xử lý và hạch toán quyết toán vào chi ngân sách năm trước (trong thời gian chỉnh lý quyết toán).

b) Nếu được quyết định chi vào ngân sách năm sau thì cơ quan tài chính làm thủ tục chi chuyển nguồn sang năm sau để chi tiếp và thực hiện quyết toán chi chuyển nguồn vào ngân sách năm trước; khi thực hiện chi, các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp hạch toán và quyết toán vào ngân sách năm sau.

4.1.4. Các khoản đã tạm ứng kinh phí trong dự toán để chi đến hết ngày 31 tháng 12 chưa đủ thủ tục thanh toán, được tiếp tục thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán và quyết toán vào niên độ năm trước. Đối với tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp hết thời gian chỉnh lý quyết toán vẫn chưa đủ thủ tục thanh toán thì đơn vị sử dụng ngân sách phải báo cáo cơ quan chủ quản (kèm tài liệu liên quan) để cơ quan chủ quản tổng hợp đề nghị cơ quan tài chính cùng cấp cho phép chuyển tạm ứng năm trước sang tạm ứng năm sau; nếu được chấp thuận thì hạch toán và quyết toán vào ngân sách năm sau, nếu không được chấp thuận thì Kho bạc Nhà nước thực hiện thu hồi số tạm ứng bằng cách trừ vào các mục chi tương ứng thuộc dự toán ngân sách năm sau của đơn vị; nếu dự toán năm sau không bố trí các mục chi đó hoặc có bố trí nhưng ít hơn số phải thu hồi tạm ứng, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp xử lý.

4.1.5. Các khoản tạm thu, tạm giữ phải được xem xét và xử lý như sau:

a) Nếu đã có quyết định của cấp có thẩm quyền đồng ý hoàn trả cho các đối tượng bị tạm thu, tạm giữ hoặc phải nộp vào ngân sách nhà nước mà đơn vị chưa trả cho các đối tượng hoặc chưa nộp ngân sách nhà nước, phải làm thủ tục trả cho các đối tượng hoặc nộp vào ngân sách nhà nước trong năm ngân sách hiện hành.

b) Nếu chưa có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền thì phải chuyển vào tài khoản tạm thu, tạm giữ theo chế độ quy định. Nghiêm cấm các đơn vị tự ý giữ lại các khoản tạm thu, tạm giữ ở đơn vị. Số dư của các tài khoản tạm thu, tạm giữ đến 31 tháng 12 được chuyển sang năm sau để xử lý theo quy định.

4.1.6. Cuối năm các đơn vị dự toán phải tổ chức công tác kiểm kê theo chế độ kế toán nhà nước; căn cứ vào các biên bản kiểm kê, kế toán đơn vị xử lý như sau:

a) Đối với các loại hàng hóa, vật tư tồn kho quyết toán vào chi ngân sách năm trước, nếu còn sử dụng tiếp cho năm sau thì đơn vị phải tổ chức theo dõi sử dụng chặt chẽ và có báo cáo riêng; trường hợp không còn sử dụng tiếp cho năm sau thì đơn vị phải thành lập hội đồng thanh lý để bán và nộp tiền thu được vào ngân sách nhà nước. Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu, tiền thanh lý tài sản được để lại đơn vị để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị theo quy định của Chính phủ và có báo cáo riêng.

b) Tồn quỹ tiền mặt của đơn vị dự toán đến ngày 31 tháng 12 thuộc ngân sách nhà nước phải nộp trả ngân sách và hạch toán giảm chi ngân sách năm hiện hành, trừ các khoản phải chi theo chế độ nhưng chưa chi (tiền lương, phụ cấp lương, các khoản trợ cấp cho các đối tượng theo chế độ và học bổng học sinh, sinh viên). Để bảo đảm đơn vị dự toán có tiền mặt chi trong những ngày đầu năm, đơn vị dự toán phải làm thủ tục với Kho bạc Nhà nước xin tạm ứng tiền mặt thuộc nguồn kinh phí năm sau.

4.1.7. Những đơn vị được phép mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, đến cuối ngày 31 tháng 12 nếu có số dư tài khoản tiền gửi nguồn gốc từ ngân sách phải nộp trả ngân sách nhà nước. Trường hợp tiền gửi nêu trên là kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán vì lý do khách quan chưa thanh toán kịp và các đơn vị thực hiện cơ chế khoán chi, thì đơn vị làm văn bản đề nghị chuyển số dư tài khoản tiền gửi, kèm theo tài liệu liên quan để giải trình chi tiết các khoản kinh phí còn dư trên tài khoản (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước), gửi cơ quan tài chính đồng cấp xem xét chuyển sang năm sau chi tiếp.

Đơn vị dự toán thuộc cấp nào do cơ quan tài chính cấp đó xét chuyển số dư tài khoản tiền gửi. Đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương thực hiện theo quy định sau:

a) Bộ Tài chính xét chuyển số dư tài khoản tiền gửi cho đơn vị dự toán đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Bộ Tài chính ủy quyền cho Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét chuyển số dư tài khoản tiền gửi của các đơn vị dự toán ngân sách trung ương đóng trên địa bàn các tỉnh, thành phố (trừ các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) theo nguyên tắc, trình tự và hồ sơ thủ tục quy định tại Thông tư này.

Kho bạc Nhà nước không được cho chuyển số dư tài khoản tiền gửi và số dư tài khoản kinh phí ủy quyền nếu không có ý kiến của cơ quan tài chính có thẩm quyền. Số dư tài khoản kinh phí ủy quyền của ngân sách trung ương đến 31 tháng 12, Kho bạc Nhà nước nộp ngân sách trung ương và hạch toán giảm chi ngân sách trung ương; Kho bạc Nhà nước trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.

4.1.8. Thời hạn xét chuyển số dư tài khoản tiền gửi cho các đơn vị bắt đầu từ ngày 02 tháng 01 đến hết giờ làm việc của ngày 10 tháng 01 năm sau. Quá thời hạn trên, Kho bạc Nhà nước chuyển số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị nộp ngân sách nhà nước và hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước.

4.1.9. Việc xử lý nguồn dự toán chưa chi hết, kinh phí tạm ứng, chuyển số dư cuối năm đối với các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan hành chính thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính, các đơn vị sự nghiệp có thu thực hiện theo quy định riêng.

4.2. Đối với cơ quan tài chính và Kho bạc Nhà nước các cấp:

4.2.1. Thời hạn cuối cùng chi ngân sách trung ương của năm ngân sách là hết giờ làm việc ngày 28 tháng 12. Thời hạn cuối cùng chi ngân sách các cấp chính quyền địa phương của năm ngân sách do cơ quan tài chính địa phương quy định nhưng phải bảo đảm đơn vị sử dụng ngân sách chi tiêu được theo chế độ quy định trước ngày 31 tháng 12.

4.2.2. Cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp thực hiện:

a) Rà soát, đối chiếu tất cả các khoản thu, chi ngân sách nhà nước từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 bảo đảm các khoản thu, chi ngân

sách nhà nước được hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng Mục lục ngân sách nhà nước.

b) Kiểm tra việc thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia phát sinh trên địa bàn cho ngân sách các cấp theo đúng chế độ phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khoản chi tiêu của đơn vị dự toán.

d) Thanh toán dứt điểm các khoản nợ, vay và tạm ứng, tạm thu, tạm giữ, các khoản chưa thanh toán được phải có quyết định của cấp có thẩm quyền và xử lý theo quy định tại Điểm 4.1 phần V của Thông tư này.

đ) Thực hiện việc xác nhận và xét chuyển số dư tài khoản tiền gửi cuối ngày 31 tháng 12 cho các đơn vị dự toán theo quy định.

5. Chính lý quyết toán ngân sách.

5.1. Thời gian chính lý quyết toán ngân sách là thời gian quy định cho ngân sách các cấp thực hiện các việc sau đây:

a) Hạch toán tiếp các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phát sinh từ ngày 31 tháng 12 trở về trước nhưng chứng từ đang luân chuyển;

b) Hạch toán chi ngân sách các khoản tạm ứng đã đủ thủ tục thanh toán;

c) Hạch toán tiếp các khoản ghi thu, ghi chi vốn ngoài nước, các khoản chi ngân sách thuộc nhiệm vụ chi của năm trước nếu được cấp có thẩm quyền quyết định cho chi tiếp vào niên độ ngân sách năm trước;

d) Đối chiếu và điều chỉnh những sai sót trong quá trình hạch toán kế toán;

đ) Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương).

5.2. Thời gian chính lý quyết toán quy định như sau:

- Hết ngày 31 tháng 1 năm sau đối với ngân sách cấp xã.

- Hết ngày 28 tháng 2 năm sau đối với ngân sách cấp huyện.

- Hết ngày 31 tháng 3 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh.

- Hết ngày 31 tháng 5 năm sau đối với ngân sách trung ương.

6. Báo cáo kế toán thu, chi ngân sách nhà nước.

6.1. Các đơn vị dự toán các cấp phải báo cáo kế toán theo chế độ kế toán nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác về kế toán, thống kê.

6.2. Cơ quan Kho bạc Nhà nước tổ chức hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Điểm 1.3 Phần V của Thông tư này; bảo đảm hạch toán đúng niên độ ngân sách, cấp ngân sách và mục lục ngân sách nhà nước.

- Hàng ngày báo cáo xuất, nhập quỹ ngân sách nhà nước và quỹ ngân sách các cấp chính quyền địa phương gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính, cơ quan thu đồng cấp và gửi Kho bạc Nhà nước cấp trên. Hàng ngày, Kho bạc Nhà nước trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính.

- Hàng tháng, báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước gửi Ủy ban nhân dân, cơ quan tài chính, cơ quan thu cùng cấp (phần thu ngân sách) và gửi Kho bạc Nhà nước cấp trên. Kho bạc Nhà nước trung ương tổng hợp thu, chi ngân sách nhà nước, ngân sách trung ương và ngân sách địa phương báo cáo Bộ Tài chính.

- Mẫu biểu và thời hạn báo cáo thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

7. Quyết toán ngân sách nhà nước.

7.1. Nguyên tắc lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước:

7.1.1. Số liệu báo cáo quyết toán phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Nội dung báo cáo quyết toán ngân sách phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán được giao (hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép) và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ; chịu trách nhiệm về những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán ngân sách sai chế độ.

7.1.2. Báo cáo quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp dưới gửi đơn vị dự toán cấp trên, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp phải gửi kèm các báo cáo sau đây:

a) Bảng cân đối tài khoản cuối ngày 31 tháng 12 và bảng cân đối tài khoản sau khi kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán.

b) Báo cáo thuyết minh quyết toán năm; thuyết minh quyết toán phải giải trình rõ nguyên nhân đạt, không đạt hoặc vượt dự toán được giao theo từng chỉ tiêu và những kiến nghị nếu có.

7.1.3. Báo cáo quyết toán năm, gửi các cấp có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt phải có xác nhận của Kho bạc Nhà nước cùng cấp về tổng số và chi tiết.

7.1.4. Báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán và của các cấp chính quyền địa phương không được quyết toán chi lớn hơn thu.

7.1.5. Cấp dưới không quyết toán các khoản kinh phí uỷ quyền của ngân sách cấp trên vào báo cáo quyết toán ngân sách cấp mình.

7.2. Trình tự lập, gửi, xét duyệt báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước năm đối với đơn vị dự toán quy định như sau:

7.2.1. Sau khi kết thúc công tác khóa sổ kế toán cuối ngày 31 tháng 12, số liệu trên sổ sách kế toán của đơn vị phải bảo đảm cân đối và khớp đúng với chứng từ thu, chi ngân sách của đơn vị và số liệu của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước về tổng số và chi tiết; trên cơ sở đó đơn vị dự toán tiến hành lập báo cáo quyết toán năm.

7.2.2. Ngoài mẫu biểu báo cáo quyết toán năm theo qui định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đơn vị dự toán còn phải gửi kèm báo cáo giải trình chi tiết các loại hàng hóa, vật tư tồn kho, các khoản nợ, vay và tạm ứng, tạm thu, tạm giữ, tồn quỹ tiền mặt, số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị dự toán đã được xử lý theo quy định tại Điểm 4.1 phần V của Thông tư này để cơ quan chủ quản cấp trên (hoặc cơ quan tài chính cùng cấp) xem xét trước khi ra thông báo duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán năm cho đơn vị. Việc xét duyệt và thẩm định quyết toán năm thực hiện theo đúng quy định tại Điều 73 và Điều 74 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

7.2.3. Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới, thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên có trách nhiệm xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp dưới. Trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt quyết toán, đơn vị dự toán cấp dưới phải thực hiện xong những yêu cầu trong thông báo xét duyệt quyết toán. Trường hợp đơn vị dự toán cấp dưới có ý kiến không thống nhất với thông báo duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên thì phải có văn bản gửi đơn vị dự toán cấp trên nữa để xem xét và quyết định. Trường hợp đơn vị dự toán cấp II có ý kiến không thống nhất với thông báo duyệt quyết toán của thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I thì phải có văn bản gửi cơ quan tài chính (đồng cấp với đơn vị dự toán cấp I) để xem xét và quyết định. Trong khi chờ ý kiến quyết định của các cấp có thẩm quyền thì đơn vị dự toán

cấp dưới phải chấp hành theo thông báo duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên.

7.2.4. Đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm (gồm báo cáo quyết toán của đơn vị mình và báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc), gửi cơ quan tài chính đồng cấp. Đối với đơn vị dự toán thuộc ngân sách trung ương, Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán năm trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán; đối với đơn vị dự toán thuộc ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian thẩm định quyết toán cụ thể, nhưng phải đảm bảo thời gian quyết toán theo quy định của Điều 67 của Luật Ngân sách nhà nước. Trong phạm vi 10 ngày kể từ khi đơn vị dự toán cấp I nhận được thông báo nhận xét quyết toán năm của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I phải thực hiện xong những yêu cầu trong thông báo nhận xét quyết toán của cơ quan tài chính.

Trường hợp đơn vị dự toán cấp I có ý kiến không thống nhất với thông báo nhận xét quyết toán của cơ quan tài chính thì phải trình Ủy ban nhân dân đồng cấp (nếu là đơn vị dự toán thuộc cấp chính quyền địa phương) hoặc trình Thủ tướng Chính phủ (nếu là đơn vị dự toán thuộc trung ương) để xem xét và quyết định. Trong khi chờ ý kiến quyết định của Ủy ban nhân dân đồng cấp và Thủ tướng Chính phủ thì mọi quyết định của cơ quan tài chính phải được thi hành.

7.2.5. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán cấp I.

7.2.6. Đối với các công trình xây dựng cơ bản, các chương trình dự án quốc gia, kết thúc năm ngân sách chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán thực hiện vốn đầu tư trong năm theo từng công trình, dự án gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan tài chính đồng cấp. Việc duyệt, thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.3. Trình tự lập, thẩm định, phê chuẩn và gửi báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của ngân sách các cấp chính quyền quy định như sau:

7.3.1. Mẫu biểu báo cáo quyết toán năm của ngân sách cấp dưới lập gửi cơ quan tài chính cấp trên theo hệ thống mẫu biểu quyết toán qui định.

7.3.2. Ban Tài chính xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã (theo hệ thống mẫu biểu quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính về quản lý thu, chi ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn) trình Ủy ban nhân dân xã xem xét gửi Phòng tài chính huyện đồng thời trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn. Trường hợp báo cáo quyết toán năm của xã do Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn có thay đổi so với báo cáo quyết toán năm do Ủy ban nhân dân xã đã gửi Phòng Tài chính huyện, thì Ủy ban nhân dân xã báo cáo bổ sung, gửi Phòng Tài chính huyện. Sau khi Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, trong phạm vi 5 ngày, Ban tài chính xã gửi báo cáo quyết toán đến các cơ quan sau:

- + 01 bản gửi Hội đồng nhân dân xã;
- + 01 bản gửi Ủy ban nhân dân xã;
- + 01 bản gửi Phòng Tài chính huyện;
- + 01 bản lưu tại Ban Tài chính xã.

Đồng thời, gửi Kho bạc Nhà nước huyện nghị quyết phê chuẩn quyết toán của Hội đồng nhân dân xã.

7.3.3. Phòng Tài chính huyện có trách nhiệm thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập báo cáo thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện và quyết toán thu, chi ngân sách huyện bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét gửi Sở Tài chính - Vật giá, đồng thời trình Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn. Trường hợp báo cáo quyết toán năm của huyện do Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn có thay đổi so với báo cáo quyết toán năm do Ủy ban nhân dân huyện đã gửi Sở Tài chính - Vật giá thì Ủy ban nhân dân huyện báo cáo bổ sung, gửi Sở Tài chính - Vật giá. Sau khi Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn, trong phạm vi 5 ngày, Phòng tài chính huyện gửi báo cáo quyết toán đến các cơ quan sau:

- + 01 bản gửi Hội đồng nhân dân huyện;
- + 01 bản gửi Ủy ban nhân dân huyện;
- + 01 bản gửi Sở Tài chính - Vật giá;
- + 01 bản lưu tại Phòng Tài chính huyện.

Đồng thời, gửi Kho bạc Nhà nước huyện nghị quyết phê chuẩn quyết toán của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

7.3.4. Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách huyện; lập quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; tổng hợp lập quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương bao gồm: quyết toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện và quyết toán thu chi ngân sách cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét gửi Bộ Tài chính, đồng thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn. Trường hợp báo cáo quyết toán năm của ngân sách tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn có thay đổi so với báo cáo quyết toán năm do Ủy ban nhân dân tỉnh đã gửi Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo bổ sung, gửi Bộ Tài chính. Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn, trong phạm vi 5 ngày, cơ quan tài chính gửi báo cáo quyết toán đến các cơ quan sau:

- + 01 bản gửi Hội đồng nhân dân tỉnh;
- + 01 bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh;
- + 01 bản gửi Bộ Tài chính;
- + 01 bản gửi Kiểm toán Nhà nước;
- + 01 bản lưu tại Sở Tài chính - Vật giá tỉnh.

Đồng thời, gửi Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh nghị quyết phê chuẩn quyết toán của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

7.3.5. Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương và quyết toán thu, chi ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương; lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách trung ương; tổng hợp lập báo cáo tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội phê chuẩn; đồng gửi cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

7.3.6. Cơ quan thu có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ nộp ngân sách nhà nước lập các chứng từ thu ngân sách nhà nước theo đúng mẫu quy định và đúng Mục lục ngân sách nhà nước; lập, báo cáo thu ngân sách nhà nước tháng, quý và báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước năm theo chế độ quy định.

7.3.7. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán thu, chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước bảo đảm các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phát sinh được hạch toán chính xác, trung thực,

kip thời và đầy đủ. Định kỳ tháng, quý, năm lập báo cáo việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách cho cơ quan tài chính và các cơ quan hữu quan theo quy định của Bộ Tài chính.

7.3.8. Việc thẩm định báo cáo quyết toán năm thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

7.4. Thời gian gửi báo cáo kế toán quý, báo cáo quyết toán năm và thời gian thẩm định quyết toán năm quy định như sau:

7.4.1. Báo cáo kế toán quý:

a) Báo cáo quý của đơn vị dự toán cấp III lập gửi cấp II và cấp II lập gửi cấp I theo quy định tại chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Đơn vị dự toán cấp I lập gửi cơ quan tài chính chậm nhất là 25 ngày sau khi kết thúc quý.

b) Báo cáo quý của ngân sách các cấp chính quyền:

- Đối với ngân sách cấp xã, Kho bạc Nhà nước huyện lập gửi Ban Tài chính xã, Phòng Tài chính huyện.

- Đối với ngân sách huyện, Kho bạc Nhà nước huyện lập gửi Phòng Tài chính huyện, Sở Tài chính - Vật giá.

- Đối với ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập gửi Sở Tài chính - Vật giá, Bộ Tài chính.

7.4.2. Báo cáo quyết toán năm:

a) Đối với đơn vị dự toán: Sau khi đã duyệt báo cáo quyết toán năm của các đơn vị trực thuộc, đơn vị dự toán cấp I của ngân sách trung ương tổng hợp gửi Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 1 tháng 10 năm sau, thời gian gửi báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp II, III giao đơn vị cấp I quy định nhưng phải bảo đảm thời hạn để đơn vị dự toán cấp I gửi báo cáo quyết toán Bộ Tài chính theo quy định trên; đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể để bảo đảm thời hạn gửi báo cáo quyết toán của ngân sách địa phương theo Điều 67 của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đối với ngân sách các cấp chính quyền địa phương: Sau khi đã thẩm định báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc và ngân sách cấp dưới, Sở Tài chính - Vật giá tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng

nhân dân đồng cấp đồng thời gửi Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 1 tháng 10 năm sau; đối với ngân sách cấp dưới, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể nhưng phải đảm bảo thời hạn phê chuẩn quyết toán quy định tại Điều 67 của Luật Ngân sách nhà nước.

7.4.3. Thẩm định báo cáo quyết toán năm: Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ khi nhận được báo cáo quyết toán năm của địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, và quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, Bộ Tài chính thực hiện thẩm định và có ý kiến nhận xét quyết toán gửi địa phương, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể thời hạn thẩm định báo cáo quyết toán năm của cơ quan tài chính cấp trên đối với ngân sách cấp dưới và đơn vị dự toán cấp I ở địa phương, bảo đảm thời gian để Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn quyết toán ngân sách năm theo quy định tại Điều 67 của Luật Ngân sách nhà nước.

8. Xử lý kết dư ngân sách.

8.1. Kết dư ngân sách trung ương là số chênh lệch giữa tổng số thu ngân sách trung ương và vay bù đắp bội chi lớn hơn tổng số chi ngân sách trung ương, kết dư ngân sách địa phương là chênh lệch giữa tổng số thu ngân sách địa phương lớn hơn tổng số chi ngân sách địa phương; chi ngân sách bao gồm cả những khoản thanh toán trong thời gian chỉnh lý quyết toán, các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện những nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền quyết định tiếp tục được thực hiện trong năm sau.

8.2. Kết dư ngân sách được xử lý như sau:

a) Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được chuyển năm mươi phần trăm (50%) vào quỹ dự trữ tài chính, năm mươi phần trăm (50%) vào thu ngân sách năm sau. Trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức giới hạn theo quy định tại Điều 58 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ thì chuyển toàn bộ vào thu ngân sách năm sau.

b) Kết dư ngân sách cấp huyện và ngân sách xã được chuyển vào thu ngân sách năm sau (100%).

9. Báo cáo quyết toán kinh phí uỷ quyền.

9.1. Đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí uỷ quyền của ngân sách cấp trên phải lập báo cáo quyết toán năm theo mẫu biểu quy định gửi cơ quan tài chính nhận uỷ quyền và cơ quan quản lý chuyên ngành đồng cấp. Cơ quan tài chính nhận uỷ quyền chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp

xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí uỷ quyền của đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí uỷ quyền và tổng hợp, lập báo cáo quyết toán kinh phí uỷ quyền. Báo cáo quyết toán được lập thành 05 bản:

- 01 bản gửi Uỷ ban nhân dân cùng cấp;
- 01 bản gửi cơ quan tài chính uỷ quyền;
- 01 bản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành cấp trên;
- 01 bản lưu cơ quan tài chính nhận uỷ quyền;
- 01 bản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp.

9.2. Cơ quan tài chính uỷ quyền chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp thẩm tra, xem xét quyết toán kinh phí uỷ quyền của cơ quan tài chính nhận uỷ quyền và tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách cấp uỷ quyền.

10. Kiểm tra công tác kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước.

10.1. Cơ quan tài chính, cơ quan thu ngân sách, cơ quan Kho bạc Nhà nước, đơn vị dự toán các cấp theo chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ thu nộp ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp. Trong quá trình kiểm tra kế toán, xét duyệt và thẩm định quyết toán, nếu phát hiện các khoản thu của các tổ chức, cá nhân đã nộp ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải hoàn trả từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức cá nhân và hạch toán giảm thu ngân sách. Những khoản chi không đúng chế độ quy định của pháp luật phải thu hồi ngay cho ngân sách nhà nước và hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước. Trường hợp quyết toán ngân sách được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn, thì hạch toán chi ngân sách (đối với khoản phải hoàn trả) hoặc thu ngân sách (đối với khoản phải thu hồi).

10.2. Tất cả các đơn vị dự toán và các cấp ngân sách phải thực hiện nghiêm túc những quy định về công tác kế toán và quyết toán ngân sách nhà nước, phải lập quyết toán ngân sách nhà nước theo đúng mẫu biểu và thời hạn quy định. Nếu đơn vị chậm nộp, ngoài việc phải chịu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, thống kê theo quy định; cơ quan tài chính tạm đình chỉ hoặc yêu cầu Kho bạc Nhà nước đồng cấp tạm đình chỉ cấp kinh phí cho đến khi đơn vị nộp báo cáo quyết toán năm, trừ một số khoản chi cấp thiết như lương, phụ cấp lương, trợ cấp, học bổng học sinh sinh viên.

10.3. Việc kiểm toán quyết toán năm của các đơn vị dự toán và ngân sách các cấp do cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Luật Ngân sách nhà nước và Điều 78 của Nghị định số

60/2003/NĐ- CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ. Khi nhận được kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét xử lý đúng theo quy định của pháp luật trước khi Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và thông báo cho cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

VI - Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành và thực hiện thống nhất trong cả nước từ năm ngân sách 2004 và thay thế Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/07/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước. Các văn bản, chế độ ban hành trước đây trái với quy định tại thông tư này không còn hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ban Tài chính quản trị trung ương;
- Công báo;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở TC-VG, Cục thuế, KBNN, Cục hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tổng công ty 91/TTg;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VP, Vụ NSNN.

KT.bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

(Đã ký)

Trần Văn Tá

Hệ thống biểu mẫu

(Để khai thác sử dụng tổ hợp phím Ctrl+ kích chuột và sử dụng chương trình WinZip để download file về máy tính)

Phụ lục 1 : (Dùng cho các cấp ngân sách)

Phụ lục 2 : (Dùng cho các cấp ngân sách)

Phụ lục 3 : (Dùng cho cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Phụ lục 4 : (Dùng cho các cơ quan Lao động-thương binh xã hội)

Phụ lục 5 : (Dùng cho các cơ quan kế hoạch và đầu tư các cấp)

Phụ lục 6: *(Dùng cho các cấp ngân sách địa phương)*

Phụ lục 7: *(Dùng cho Bộ Tài chính)*

Phụ lục 8: *(Dùng cho Bộ Tài chính, cơ quan tài chính các cấp)*